

THÔNG TIN

Hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng của thiết bị y tế thuộc loại B

Số công bố: 260001279/PCBB-HCM

Ngày công bố: 06/05/2026

1. Tên cơ sở công bố: CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC TÍN

2. Địa chỉ: 459 Sư Vạn Hạnh, Phường Hòa Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh

3. Số văn bản của cơ sở: 101-LH/DUCTIN-2026 Ngày: 29/04/2026

4. Thiết bị y tế thuộc loại B

Tên thiết bị y tế: Bộ trợ cụ dùng trong phẫu thuật cột sống

Tên thương mại (nếu có):

Mã Global Medical Device Nomenclature – GMDN (nếu có):

Chủng loại: Theo phụ lục

Mã sản phẩm (nếu có):

Theo phụ lục

Quy cách đóng gói:

Mục đích sử dụng: Các trợ cụ này, sau đây được gọi là “thiết bị”, là một phần của bộ trợ cụ chuyên dụng để đặt một sản phẩm cấy ghép cụ thể trong danh mục sản phẩm của PRODORTH. Các thiết bị này có thể tái sử dụng, có thể tiệt trùng lại và phải được sử dụng bởi chuyên viên y tế đã được đào tạo về điều kiện sử dụng. Các thiết bị phải được xử lý cẩn thận trong tất cả các giai đoạn sử dụng, lưu trữ và bảo trì.

Tên cơ sở sản xuất: Theo phụ lục

Địa chỉ cơ sở sản xuất: Theo phụ lục

Tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm áp dụng: ISO

5. Đối với thiết bị y tế chứa chất ma túy, tiền chất (nếu có):

6. Thông tin về chủ sở hữu thiết bị y tế:

Tên chủ sở hữu: RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ

Địa chỉ chủ sở hữu: Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir,

TURKEY

7. Thông tin về cơ sở bảo hành (nếu có):

Tên cơ sở: Công ty Cổ phần Trang thiết bị Y tế Đức Tín

Địa chỉ: 459 Sư Vạn Hạnh, Phường Hòa Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại cố định: 028 627 637 01 Điện thoại di động:

8. Số công bố đủ điều kiện sản xuất đối với thiết bị y tế sản xuất trong nước:

9. Thành phần hồ sơ:

1	Văn bản công bố tiêu chuẩn áp dụng của thiết bị y tế thuộc loại B.	x
2	Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485	x
3	Giấy ủy quyền của chủ sở hữu thiết bị y tế	x
4	Giấy xác nhận đủ điều kiện bảo hành	x
5	Tài liệu mô tả tóm tắt kỹ thuật thiết bị y tế bằng tiếng Việt, kèm theo tài liệu kỹ thuật mô tả chức năng, thông số kỹ thuật của thiết bị y tế do chủ sở hữu thiết bị y tế ban hành.	x
6	Giấy chứng nhận hợp chuẩn hoặc bản tiêu chuẩn mà chủ sở hữu thiết bị y tế công bố áp dụng	x
7	Giấy chứng nhận lưu hành tự do còn hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ đối với thiết bị y tế nhập khẩu.	x
8	Tài liệu khác (nếu có)	x

PHỤ LỤC: BẢNG KÊ CHI TIẾT TRANG THIẾT BỊ Y TẾ

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
1	Trợ cụ chống lực xoắn	ANTI TORQUE	PP 100.10.001		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
2	Trợ cụ cố định đầu vít	PERSUADER	PP 100.10.002		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
3	Dùi	AWL	PP 100.10.003		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
4	Trợ cụ cắt	IN-SITU LISTHESIS HEAD CUTTER	PP 100.10.005		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
5	Trợ cụ đặt thanh dọc	ROD PUSHER	PP 100.10.006		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
6	Tay cầm	4-6 Nm TORQUE LIMITING HANDLE	PP 100.10.007		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
7	Tay cầm	10-12 Nm TORQUE LIMITING T-HANDLE	PP 100.10.008		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
8	Tay cầm	T-HANDLE	PP 100.10.009		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
9	Trợ cụ tạo lỗ thăm dò cuống sống	PEDICLE PROBE CURVED	PP 100.10.010		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
					SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Bornova İzmir	
10	Trợ cụ tạo lỗ thăm dò cuống sống	PEDICLE PROBE STRAIGHT	PP 100.10.011		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
11	Búa	MALLET	PP 100.10.012		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
12	Trợ cụ bắt vít	POLYAXIAL SCREWDRIVER	PP 100.10.013A		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
13	Trợ cụ bắt vít	MONOAXIAL SCREWDRIVER	PP 100.10.013B		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
					ŞİRKETİ		
14	Trợ cụ bắt vít	PEDICLE SCREW SETSCREW DRIVER	PP 100.10.014		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
15	Trợ cụ bắt vít	TRANSVERSE CONNECTOR SETSCREW DRIVER	PP 100.10.015		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
16	Trợ cụ tạo ren	TAP 4mm	PP 100.10.016		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
17	Trợ cụ tạo ren	TAP 5mm	PP 100.10.017		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
18	Trợ cụ tạo ren	TAP 6mm	PP 100.10.018		RD MEDİKAL	Karacaoğlan	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
					TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	
19	Trợ cụ tháo vít	PEDICLE SCREW PULL- OUT INSTRUMENT	PP 100.10.019		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
20	Trợ cụ giữ	SLITTED SETSCREW HOLDER	PP 100.10.020		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
21	Trợ cụ đánh dấu	PEDICLE MARKER STOP	PP 100.10.021		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
22	Trợ cụ đánh dấu	PEDICLE MARKER	PP 100.10.022		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
					TİCARET ANONİM ŞİRKETİ		
23	Trợ cụ thăm dò	FEELER STRAIGHT	PP 100.10.023		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
24	Trợ cụ thăm dò	FEELER CURVED	PP 100.10.024		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
25	Trợ cụ cố định đầu vít	ROCKER	PP 100.10.025		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
26	Trợ cụ uốn	IN-SITU BENDER LEFT	PP 100.10.026		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
27	Trợ cụ uốn	IN-SITU BENDER RIGHT	PP 100.10.027		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
28	Trợ cụ uốn	IN-SITU ROD BENDER	PP 100.10.028		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
29	Kẹp	ROD HOLDER FORCEPS	PP 100.10.029		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
30	Trợ cụ banh	DISTRACTOR	PP 100.10.030		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
31	Trợ cụ ép	COMPRESSOR	PP 100.10.031		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
					SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Bornova İzmir	
32	Kìm	ROD GRIPPER	PP 100.10.032		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
33	Kẹp giữ thanh dọc	ROD HOLDER STRONG	PP 100.10.033		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
34	Khay đựng	SETSCREW CASE	PP 100.10.034		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
35	Khay đựng	ROD TRAY	PP 100.10.035		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
					ŞİRKETİ		
36	Khay đựng	SCREW TRAY	PP 100.10.035B		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
37	Khay đựng	INSTRUMENT TRAY	PP 100.10.036		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
38	Hộp đựng	CONTAINER POSTERIOR	PP 100.10.037		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
39	Trợ cụ uốn	CORONAL BENDER LEFT	PP 100.10.038		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
40	Trợ cụ uốn	CORONAL BENDER	PP 100.10.039		RD MEDİKAL	Karacaoğlan	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
		RIGHT			TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	
41	Trợ cụ cắt thanh đọc	IN-SITU ROD CUTTER	PP 100.10.040		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
42	Trợ cụ cắt thanh đọc	IN-SITU TABLE TOP ROD CUTTER	PP 100.10.040A		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
43	Trợ cụ xoay chỉnh	ROD DEROTATOR	PP 100.10.041		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
44	Tay cầm	I-HANDLE LOCKING	PP 100.10.042		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
					TİCARET ANONİM ŞİRKETİ		
45	Tay cầm	RATCHET T-HANDLE	PP 100.10.043		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
46	Tay cầm	RATCHET I-HANDLE	PP 100.10.043A		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
47	Trợ cụ đo	ROD GAUGE (250mm)	PP 100.10.044		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
48	Trợ cụ bắt vít	HEX WRENCH	PP 100.10.045		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
49	Kẹp	ROCKER FORCEPS	PP 100.10.046		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
50	Trợ cụ tạo ren	TAP 7 mm	PP 100.10.047		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
51	Trợ cụ tạo ren	TAP 3 mm	PP 100.10.048		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
52	Trợ cụ đẩy	GRAFT PUSHER	PP 100.10.052		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
53	Trợ cụ bắt vít	BAR TYPE CONNECTOR SETSCREW DRIVER	PP 100.10.015A		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
					SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Bornova İzmir	
54	Trợ cụ đặt đĩa đệm	TLIF INSERTER	PL 200.20.001		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
55	Trợ cụ đặt đĩa đệm	PLIF INSERTER	PL 200.20.002		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
56	Trợ cụ nạo đĩa đệm	LEFT ANGLED HOLE CURETTE	PL 200.20.003		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
57	Trợ cụ nạo đĩa đệm	STRAIGHT HOLE CURETTE	PL 200.20.004		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
					ŞİRKETİ		
58	Trợ cụ nạo đĩa đệm	RIGHT ANGLED HOLE CURETTE	PL 200.20.005		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
59	Trợ cụ nạo đĩa đệm	REVERSE CUP CURETTE	PL 200.20.006		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
60	Trợ cụ nạo đĩa đệm	STRAIGHT CUP CURETTE	PL 200.20.007		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
61	Búa	MALLET	PL 200.20.009		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
62	Trợ cụ đặt thử	TRIAL IMPLANT	PL 200.20.010		RD MEDİKAL	Karacaoğlan	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
		INSERTER			TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	
63	Tay cầm	T-HANDLE Locking ¼”	PL 200.20.011		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
64	Trợ cụ bào gian đốt sóng	SHAVER 7 MM	PL 200.20.012		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
65	Trợ cụ bào gian đốt sóng	SHAVER 8 MM	PL 200.20.013		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
66	Trợ cụ bào gian đốt sóng	SHAVER 9 MM	PL 200.20.014		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
					TİCARET ANONİM ŞİRKETİ		
67	Trợ cụ bảo gian đốt sổng	SHAVER 10 MM	PL 200.20.015		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
68	Trợ cụ bảo gian đốt sổng	SHAVER 11 MM	PL 200.20.016		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
69	Trợ cụ bảo gian đốt sổng	SHAVER 13 MM	PL 200.20.016A		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
70	Trợ cụ bảo gian đốt sổng	SHAVER 14 MM	PL 200.20.016B		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
71	Trợ cụ bảo gian đốt sóng	SHAVER 15 MM	PL 200.20.016C		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
72	Trợ cụ bảo gian đốt sóng	SHAVER 3 MM	PL 200.20.016D		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
73	Trợ cụ bảo gian đốt sóng	SHAVER 4 MM	PL 200.20.016E		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
74	Trợ cụ bảo gian đốt sóng	SHAVER 5 MM	PL 200.20.016F		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
75	Trợ cụ bảo gian đốt sóng	SHAVER 6 MM	PL 200.20.016G		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
					SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Bornova İzmir	
76	Trợ cụ bào gian đốt sóng	SHAVER 12 MM	PL 200.20.017		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
77	Trợ cụ thử đĩa đệm	TRIAL IMPLANT 7 MM	PL 200.20.018		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
78	Trợ cụ thử đĩa đệm	TRIAL IMPLANT 8 MM	PL 200.20.019		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
79	Trợ cụ thử đĩa đệm	TRIAL IMPLANT 9 MM	PL 200.20.020		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
					ŞİRKETİ		
80	Trợ cụ thử đĩa đệm	TRIAL IMPLANT 10 MM	PL 200.20.021		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
81	Trợ cụ thử đĩa đệm	TRIAL IMPLANT 11 MM	PL 200.20.022		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
82	Trợ cụ thử đĩa đệm	TRIAL IMPLANT 12 MM	PL 200.20.023		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
83	Trợ cụ thử đĩa đệm	TRIAL IMPLANT 13 MM	PL 200.20.024		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
84	Trợ cụ thử đĩa đệm	TRIAL IMPLANT 14 MM	PL 200.20.025		RD MEDİKAL	Karacaoğlan	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
					TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	
85	Khay đựng	TRIAL & IMPLANT CASE	PL 200.20.026		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
86	Hộp đựng	LUMBAR CONTAINER&LID	PL 200.20.027		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
87	Phễu nhồi xương	BONE FUNNEL	PL 200.20.035		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
88	Trợ cụ mài xương thân đốt sống	REAMER 7 MM	PL 200.20.028		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
					TİCARET ANONİM ŞİRKETİ		
89	Trợ cụ mài xương thân đốt sống	REAMER 8 MM	PL 200.20.029		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
90	Trợ cụ mài xương thân đốt sống	REAMER 9 MM	PL 200.20.030		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
91	Trợ cụ mài xương thân đốt sống	REAMER 10 MM	PL 200.20.031		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
92	Trợ cụ mài xương thân đốt sống	REAMER 11 MM	PL 200.20.032		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
93	Trợ cụ mài xương thân đốt sống	REAMER 12 MM	PL 200.20.033		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
94	Giữa khoảng gian đốt sống	RASP	PL 200.20.034		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
95	Trợ cụ uốn	CORONAL BENDER LEFT	PP 100.10.038		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
96	Trợ cụ uốn	CORONAL BENDER RIGHT	PP 100.10.039		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
97	Trợ cụ xoay chỉnh	DEROTATION TUBE CONNECTOR	PP 100.10.049		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
					SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Bornova İzmir	
98	Trợ cụ xoay chỉnh	DEROTATION TUBE	PP 100.10.050		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
99	Hộp đựng	DEROTATION CONTAINER&LID	PP 100.10.051		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
100	Trợ cụ chống lực xoắn	CERVICAL ANTI TORQUE	PPC 100.10.001		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
101	Trợ cụ cố định đầu vít	CERVICAL PERSUADER	PPC 100.10.002		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
					ŞİRKETİ		
102	Dùi	CERVICAL AWL	PPC 100.10.003		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
103	Trợ cụ dẫn hướng	ADJUSTABLE DRILL GUIDE	PPC 100.10.004		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
104	Mũi khoan	ADJUSTABLE DRILL Ø4, 0	PPC 100.10.005		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
105	Mũi khoan	ADJUSTABLE DRILL Ø3, 5	PPC 100.10.044		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
106	Tay cầm	2 Nm TORQUE LIMITING	PPC 100.10.007		RD MEDİKAL	Karacaoğlan	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
		HANDLE			TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	
107	Tay cầm	CERVICAL I-HANDLE LOCKING	PPC 100.10.008		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
108	Mũi khoan	DRILL Ø3, 5	PPC 100.10.009A		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
109	Mũi khoan	DRILL Ø4, 0	PPC 100.10.009B		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
110	Trợ cụ tạo lỗ thăm dò cuống sống	CERVICAL PEDICLE PROBE CURVED	PPC 100.10.010		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
					TİCARET ANONİM ŞİRKETİ		
111	Trợ cụ tạo lỗ thăm dò cuống sống	CERVICAL PEDICLE PROBE STRAIGHT	PPC 100.10.011		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
112	Trợ cụ bắt vít	CERVICAL POLYAXIAL SCREW DRIVER	PPC 100.10.013		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
113	Trợ cụ bắt vít	CERVICAL SCREW SETSCREW DRIVER	PPC 100.10.014		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
114	Trợ cụ bắt vít	CERVICAL TRANSVERSE CONNECTOR SETSCREW DRIVER	PPC 100.10.015		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
115	Trợ cụ tạo ren	TAP 3, 5mm	PPC 100.10.016		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
116	Trợ cụ đặt thử	CERVICAL SLITTED SETSCREW INSERTER	PPC 100.10.020		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
117	Trợ cụ đánh dấu	CERVICAL PEDICLE MARKER STOP	PPC 100.10.021		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
118	Trợ cụ đánh dấu	CERVICAL PEDICLE MARKER	PPC 100.10.022		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
119	Trợ cụ thăm dò	CERVICAL FEELER STRAIGHT	PPC 100.10.023		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
					SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Bornova İzmir	
120	Trợ cụ thăm dò	CERVICAL FEELER CURVED	PPC 100.10.024		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
121	Trợ cụ cố định đầu vít	CERVICAL ROCKER	PPC 100.10.025		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
122	Trợ cụ uốn thanh đọc	CERVICAL ROD BENDER	PPC 100.10.028		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
123	Kẹp	CERVICAL ROD HOLDER FORCEPS	PPC 100.10.029		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
					ŞİRKETİ		
124	Trợ cụ banh	CERVICAL DISTRATOR	PPC 100.10.030		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
125	Trợ cụ ép	CERVICAL COMPRESSOR	PPC 100.10.031		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
126	Trợ cụ uốn nẹp	OCCIPITAL PLATE BENDER	PPC 100.10.032		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
127	Trợ cụ đo	ROD GAUGE(150mm)	PPC 100.10.037		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
128	Khay đựng	SETSCREW CASE	PPC 100.10.038		RD MEDİKAL	Karacaoğlan	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
					TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	
129	Khay đựng	SCREW TRAY	PPC 100.10.038B		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
130	Khay đựng	INSTRUMENT TRAY	PPC 100.10.039		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
131	Hộp đựng	IMPLANT CONTAINER&LID	PPC 100.10.040		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
132	Hộp đựng	INSTRUMENT CONTAINER&LID	PPC 100.10.041		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
					TİCARET ANONİM ŞİRKETİ		
133	Khay đựng	OCCIPITAL CASE	PPC 100.10.042		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
134	Trợ cụ bắt vít	PLATE SCREW DRIVER	PPC 100.10.045		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
135	Trợ cụ đặt móc bản sống	HOOK INSERTER	PPC 100.10.034		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
136	Trợ cụ vén rãnh thần kinh cột sống	HOOK ELEVATOR LAMINA	PPC 100.10.036		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
137	Trợ cụ tạo ren	TAP 4, 0mm	PPC 100.10.017		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
138	Trợ cụ đẩy	CERVICAL ROD PUSHER	PPC 100.10.006		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
139	Trợ cụ đo	DEPTH GAUGE	PPC 100.10.012		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
140	Trợ cụ chỉnh hướng mũ vít	ALIGNMENT TOOL	PPC 100.10.027		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
141	Trợ cụ tháo vít	CERVICAL SCREW PULL-OUT INSTRUMEN (Trên nhãn: CERVICAL	PPC 100.10.019		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
		SCREW PULL-OUT INSTRUMENT)			SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Bornova İzmir	
142	Trợ cụ giữ	CERVICAL TRANSVERSE CONNECTOR HOLDER	PPC 100.10.018		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
143	Trợ cụ uốn	CERVICAL IN-SITU BENDER	PPC 100.10.026		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
144	Trợ cụ cắt	CERVICAL ROD CUTTER	PPC 100.10.033		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
145	Trợ cụ đẩy	HOOK PUSHER	PPC 100.10.035		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
					ŞİRKETİ		
146	Trợ cụ đặt móc bản sống	HOOK INSERTER 1	PH 500.10.001		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
147	Trợ cụ đặt móc bản sống	HOOK INSERTER 2	PH 500.10.002		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
148	Trợ cụ tạo lỗ đặt móc bản sống	HOOK ELEVATOR 1	PH 500.10.003		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
149	Trợ cụ tạo lỗ đặt móc bản sống	HOOK ELEVATOR 2	PH 500.10.004		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
150	Trợ cụ tạo lỗ đặt	HOOK ELEVATOR 3	PH 500.10.005		RD MEDİKAL	Karacaoğlan	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
	móc bản sống				TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	
151	Trợ cụ tạo lỗ đặt móc bản sống	HOOK ELEVATOR 4	PH 500.10.006		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
152	Khay đựng	HOOK IMPLANT CASE	PH 500.10.007		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
153	Hộp đựng	HOOK CONTAINER&LID	PH 500.10.008		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TUNISIA
154	Kẹp	FORCEPS HOOK HOLDER	PH 500.10.009		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
					TİCARET ANONİM ŞİRKETİ		
155	Trợ cụ đặt đĩa đệm	CERVICAL DISC PROSTHESIS INSERTER	PC 300.30.001		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
156	Trợ cụ đặt đĩa đệm	PEEK CAGE INSERTER	PC 300.30.002		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
157	Dùi	CERVICAL AWL	PC 300.30.003		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
158	Trợ cụ bắt vít	CASPAR PIN DRIVER (Trên nhãn: CASPAR PIN DRIVER (Distraction Screw Driver))	PC 300.30.004		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
159	Trợ cụ đặt đĩa đệm	STAND-ALONE CAGE INSERTER TYPE-1 / LONG GUIDED	PC 300.30.016A		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
160	Trợ cụ đặt đĩa đệm	STAND-ALONE CAGE INSERTER TYPE-2 / SHORT GUIDED	PC 300.30.016		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
161	Trợ cụ banh đốt sống	CASPAR DISTRACTOR	PC 300.30.007		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
162	Vít banh đốt sống	CASPAR PIN (Trên nhãn: CASPAR PINS (Distraction Screws))	PC 300.30.008		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
163	Dùi	STAND-ALONE CAGE FIXED AWL	PC 300.30.017		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
					SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Bornova İzmir	
164	Dùi	STAND-ALONE CAGE ADJUSTABLE ANGLED AWL	PC 300.30.019		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
165	Trợ cụ dẫn hướng	STAND-ALONE CAGE ANGLED GUIDE	PC 300.30.020		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
166	Mũi khoan	STAND-ALONE CAGE FIXED DRILL	PC 300.30.021		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
167	Mũi khoan	STAND-ALONE CAGE ADJUSTABLE ANGLED DRILL	PC 300.30.022		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
					ŞİRKETİ		
168	Tay cầm	STAND-ALONE CAGE TORQUE LIMITING I- HANDLE 1, 5 Nm	PC 300.30.023		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
169	Trợ cụ bắt vít	STAND-ALONE CAGE FIXED SCREW DRIVER	PC 300.30.031		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
170	Trợ cụ bắt vít	STAND-ALONE CAGE ADJUSTABLE ANGLED SCREW DRIVER	PC 300.30.030		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
171	Trợ cụ đặt thử	TRIAL INSERTER	PC 300.30.005		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
172	Búa	MALLET (Small)	PC 300.30.006		RD MEDİKAL	Karacaoğlan	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
					TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	
173	Trợ cụ thử đĩa đệm	TRIAL IMPLANT CERVICAL PEEK CAGE 12x14x4 mm	PC 300.30.036		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
174	Trợ cụ thử đĩa đệm	TRIAL IMPLANT CERVICAL PEEK CAGE 12x14x5 mm	PC 300.30.037		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
175	Trợ cụ thử đĩa đệm	TRIAL IMPLANT CERVICAL PEEK CAGE 12x14x6 mm	PC 300.30.038		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
176	Trợ cụ thử đĩa đệm	TRIAL IMPLANT CERVICAL PEEK CAGE 12x14x7 mm	PC 300.30.039		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
					TİCARET ANONİM ŞİRKETİ		
177	Trợ cụ thử đĩa đệm	TRIAL IMPLANT CERVICAL PEEK CAGE 12x14x8 mm	PC 300.30.040		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
178	Trợ cụ thử đĩa đệm	TRIAL IMPLANT CERVICAL PEEK CAGE 14x14x4 mm	PC 300.30.041		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
179	Trợ cụ thử đĩa đệm	TRIAL IMPLANT CERVICAL PEEK CAGE 14x14x5 mm	PC 300.30.042		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
180	Trợ cụ thử đĩa đệm	TRIAL IMPLANT CERVICAL PEEK CAGE 14x14x6 mm	PC 300.30.043		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
181	Trợ cụ thử đĩa đệm	TRIAL IMPLANT CERVICAL PEEK CAGE 14x14x7 mm	PC 300.30.044		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
182	Trợ cụ thử đĩa đệm	TRIAL IMPLANT CERVICAL PEEK CAGE 14x14x8 mm	PC 300.30.045		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
183	Trợ cụ thử đĩa đệm	TRIAL IMPLANT CERVICAL PEEK CAGE 14x16x4 mm	PC 300.30.046		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
184	Trợ cụ thử đĩa đệm	TRIAL IMPLANT CERVICAL PEEK CAGE 14x16x5 mm	PC 300.30.047		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
185	Trợ cụ thử đĩa đệm	TRIAL IMPLANT CERVICAL PEEK CAGE 14x16x6 mm	PC 300.30.048		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
					SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Bornova İzmir	
186	Trợ cụ thử đĩa đệm	TRIAL IMPLANT CERVICAL PEEK CAGE 14x16x7 mm	PC 300.30.049		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
187	Trợ cụ thử đĩa đệm	TRIAL IMPLANT CERVICAL PEEK CAGE 14x16x8 mm	PC 300.30.050		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
188	Trợ cụ thử đĩa đệm	TRIAL IMPLANT DISC PROSTHESIS 12x14x5 mm	PC 300.30.051		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
189	Trợ cụ thử đĩa đệm	TRIAL IMPLANT DISC PROSTHESIS 12x14x5, 5 mm	PC 300.30.052		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
					ŞİRKETİ		
190	Trợ cụ thử đĩa đệm	TRIAL IMPLANT DISC PROSTHESIS 12x14x6 mm	PC 300.30.053		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
191	Trợ cụ thử đĩa đệm	TRIAL IMPLANT DISC PROSTHESIS 12x14x6, 5 mm	PC 300.30.054		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
192	Trợ cụ thử đĩa đệm	TRIAL IMPLANT DISC PROSTHESIS 12x14x7 mm	PC 300.30.055		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
193	Trợ cụ thử đĩa đệm	TRIAL IMPLANT DISC PROSTHESIS 12x14x7, 5 mm	PC 300.30.056		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
194	Trợ cụ thử đĩa đệm	TRIAL IMPLANT DISC	PC 300.30.057		RD MEDİKAL	Karacaoğlan	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
		PROSTHESIS 12x14x8 mm			TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	
195	Trợ cụ thử đĩa đệm	TRIAL IMPLANT DISC PROSTHESIS 12x14x8, 5 mm	PC 300.30.058		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
196	Trợ cụ thử đĩa đệm	TRIAL IMPLANT DISC PROSTHESIS 14x14x5 mm	PC 300.30.059		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
197	Trợ cụ thử đĩa đệm	TRIAL IMPLANT DISC PROSTHESIS 14x14x5, 5 mm	PC 300.30.060		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
198	Trợ cụ thử đĩa đệm	TRIAL IMPLANT DISC PROSTHESIS 14x14x6 mm	PC 300.30.061		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
					TİCARET ANONİM ŞİRKETİ		
199	Trợ cụ thử đĩa đệm	TRIAL IMPLANT DISC PROSTHESIS 14x14x6, 5 mm	PC 300.30.062		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
200	Trợ cụ thử đĩa đệm	TRIAL IMPLANT DISC PROSTHESIS 14x14x7 mm	PC 300.30.063		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
201	Trợ cụ thử đĩa đệm	TRIAL IMPLANT DISC PROSTHESIS 14x14x7, 5 mm	PC 300.30.064		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
202	Trợ cụ thử đĩa đệm	TRIAL IMPLANT DISC PROSTHESIS 14x14x8 mm	PC 300.30.065		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
203	Trợ cụ thử đĩa đệm	TRIAL IMPLANT DISC PROSTHESIS 14x14x8, 5 mm	PC 300.30.066		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
204	Trợ cụ thử đĩa đệm	TRIAL IMPLANT DISC PROSTHESIS 14x16x5 mm	PC 300.30.067		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
205	Trợ cụ thử đĩa đệm	TRIAL IMPLANT DISC PROSTHESIS 14x16x5, 5 mm	PC 300.30.068		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
206	Trợ cụ thử đĩa đệm	TRIAL IMPLANT DISC PROSTHESIS 14x16x6 mm	PC 300.30.069		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
207	Trợ cụ thử đĩa đệm	TRIAL IMPLANT DISC PROSTHESIS 14x16x6, 5 mm	PC 300.30.070		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
					SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Bornova İzmir	
208	Trợ cụ thử đĩa đệm	TRIAL IMPLANT DISC PROSTHESIS 14x16x7 mm	PC 300.30.071		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
209	Trợ cụ thử đĩa đệm	TRIAL IMPLANT DISC PROSTHESIS 14x16x7, 5 mm	PC 300.30.072		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
210	Trợ cụ thử đĩa đệm	TRIAL IMPLANT DISC PROSTHESIS 14x16x8 mm	PC 300.30.073		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
211	Trợ cụ thử đĩa đệm	TRIAL IMPLANT DISC PROSTHESIS 14x16x8, 5 mm	PC 300.30.074		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
					ŞİRKETİ		
212	Trợ cụ thử đĩa đệm	TRIAL IMPLANT STAND-ALONE CAGE 12x14x5 mm	PC 300.30.075		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
213	Trợ cụ thử đĩa đệm	TRIAL IMPLANT STAND-ALONE CAGE 12x14x6 mm	PC 300.30.076		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
214	Trợ cụ thử đĩa đệm	TRIAL IMPLANT STAND-ALONE CAGE 12x14x7 mm	PC 300.30.077		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
215	Trợ cụ thử đĩa đệm	TRIAL IMPLANT STAND-ALONE CAGE 12x14x8 mm	PC 300.30.078		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
216	Trợ cụ thử đĩa đệm	TRIAL IMPLANT	PC 300.30.079		RD MEDİKAL	Karacaoğlan	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
		STAND-ALONE CAGE 14x14x5 mm			TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	
217	Trợ cụ thử đĩa đệm	TRIAL IMPLANT STAND-ALONE CAGE 14x14x6 mm	PC 300.30.080		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
218	Trợ cụ thử đĩa đệm	TRIAL IMPLANT STAND-ALONE CAGE 14x14x7 mm	PC 300.30.081		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
219	Trợ cụ thử đĩa đệm	TRIAL IMPLANT STAND-ALONE CAGE 14x14x8 mm	PC 300.30.082		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
220	Trợ cụ thử đĩa đệm	TRIAL IMPLANT STAND-ALONE CAGE 14x16x5 mm	PC 300.30.083		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
					TİCARET ANONİM ŞİRKETİ		
221	Trợ cụ thử đĩa đệm	TRIAL IMPLANT STAND-ALONE CAGE 14x16x6 mm	PC 300.30.084		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
222	Trợ cụ thử đĩa đệm	TRIAL IMPLANT STAND-ALONE CAGE 14x16x7 mm	PC 300.30.085		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
223	Trợ cụ thử đĩa đệm	TRIAL IMPLANT STAND-ALONE CAGE 14x16x8 mm	PC 300.30.086		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
224	Khay đựng	STAND-ALONE CAGE SCREW CASE	PC 300.30.027		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
225	Khay đựng	TRIAL & IMPLANT CASE DISC PROSTHESIS 12x14 mm	PC 300.30.090		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
226	Khay đựng	TRIAL & IMPLANT CASE DISC PROSTHESIS 14x14 mm	PC 300.30.091		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
227	Khay đựng	TRIAL & IMPLANT CASE DISC PROSTHESIS 14x16 mm	PC 300.30.092		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
228	Hộp đựng	COMBINED CERVICAL CONTAINER&LID	PC 300.30.015		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
229	Khay đựng	TRIAL & IMPLANT CASE CERVICAL PEEK CAGE 12x14 mm	PC 300.30.087		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
					SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Bornova İzmir	
230	Khay dựng	TRIAL & IMPLANT CASE CERVICAL PEEK CAGE 14x14 mm	PC 300.30.088		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
231	Khay dựng	TRIAL & IMPLANT CASE CERVICAL PEEK CAGE 14x16 mm	PC 300.30.089		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
232	Khay dựng	TRIAL & IMPLANT CASE STAND-ALONE CAGE 12x14	PC 300.30.024		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
233	Khay dựng	TRIAL & IMPLANT CASE STAND-ALONE CAGE 14x14	PC 300.30.025		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
					ŞİRKETİ		
234	Khay đựng	TRIAL & IMPLANT CASE STAND-ALONE CAGE 14x16	PC 300.30.026		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
235	Dùi	STAND-ALONE CAGE AWL BIT	PC 300.30.033		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
236	Mũi khoan	STAND-ALONE CAGE DRILL BIT	PC 300.30.034		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
237	Trợ cụ bắt vít	STAND-ALONE CAGE SCREW BIT	PC 300.30.035		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
238	Trợ cụ bắt vít gập	STAND-ALONE CAGE	PC 300.30.032		RD MEDİKAL	Karacaoğlan	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
	góc	FIXED ANGLED DRIVER			TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	
239	Trợ cụ giữ	PLATE HOLDER	PCP 400.10.001		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
240	Trợ cụ dẫn hướng	DRILL AND SCREW GUIDE (Trên nhãn: PLATE GUIDE)	PCP 400.10.002		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
241	Trợ cụ bắt vít	PLATE SCREW DRIVER	PCP 400.10.003		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
242	Đinh ghim cố định nẹp tạm thời	PLATE PRIMARY FIXATION PIN	PCP 400.10.004		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
					TİCARET ANONİM ŞİRKETİ		
243	Trợ cụ vặn khóa vít	PLATE SCREW LOCKING DRIVER(Trên nhãn: PLATE SCREW LOCKED DRIVER)	PCP 400.10.006		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
244	Dùi	PLATE AWL QUICK RELEASE	PCP 400.10.007		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
245	Mũi khoan	PLATE GRADUATED DRILL QUICK	PCP 400.10.008		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
246	Tay cầm	PLATE I-HANDLE	PCP 400.10.009		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
247	Trợ cụ uốn nẹp	PLATE BENDER	PCP 400.10.010		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
248	Hộp đựng	PLATE CONTAINER&LID	PCP 400.10.011		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
249	Khay đựng	PLATE SCREW CASE	PCP 400.10.012		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
250	Khay đựng	PLATE CASE	PCP 400.10.013		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1 Bornova İzmir	TURKEY
251	Búa	MALLET (Small)	PCP 400.10.014		RD MEDİKAL TIBBİ ÜRÜNLER	Karacaoğlan Mah. Bornova Cad. No:9G/1	TURKEY

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
					SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Bornova İzmir	